

Bản án số: 185/2018/HC-PT

Ngày 22 - 5- 2018

V/v: Khiếu kiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Đặng Bảo Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm G khai vụ án hành chính thụ lý số: 221/2017/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2017 về “Khiếu kiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2475/2018/QĐPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 29, Khu x, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Z, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng B, Phó Chủ tịch (theo Giấy ủy quyền số 672/UQ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Z); có mặt tại phiên tòa.

2. Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý C, Phó Chủ tịch UBND (Giấy ủy quyền số ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt tại

phiên tòa; có đơn đề ngày 26/3/2018 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn D; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị E, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Z, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Ông Chu G, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Z, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị A (người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/01/2015, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND “Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Hoàng Thị A với bà Hoàng Thị E”, có nội dung xác định bà E được quyền sử dụng diện tích 187,2m² (là một phần của thửa đất số 77, loại đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt thuộc tờ bản đồ địa chính số 83, tại xứ đồng TC, thôn K, xã L, huyện Z, tỉnh Lạng Sơn. Bà Hoàng Thị A khiếu nại Quyết định số 825/QĐ-UBND nêu trên. Ngày 06/7/2015, Chủ tịch UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 2656/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 để giao hồ sơ cho UBND xã L củng cố hồ sơ, giải quyết lại vụ việc theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Ngày 29/8/2016, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 2596/QĐ-UBND “Về việc giải quyết đơn của bà Hoàng Thị A” (sau đây viết tắt là Quyết định số 370/QĐ-UBND), quyết định G nhận cho bà Hoàng Thị E được quyền quản lý, sử dụng diện tích 187,2m² đất.

Bà Hoàng Thị A khiếu nại Quyết định số 2596/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn. Ngày 07/3/2017, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 370/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn G nhận nội dung giải quyết tại Quyết định số 2596/QĐ-UBND là đúng.

Ngày 24/5/2017, bà Hoàng Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 2596/QĐ-UBND và Quyết định số 370/QĐ-UBND nêu trên. Nội dung đơn kiện và đơn bổ sung, lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà A cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong diện tích đất cụ Vi Thị V (là mẹ chồng của bà và bà E) có G khai phá đất hoang; khoảng năm 1976 - 1977, cụ V đã chia một phần (lúc đó là ruộng mạ) cho bà và chồng là ông Chu T (ông T chết năm 2008). Do ông, bà đều đi thoát ly, không sử dụng ruộng vườn được chia nên phần đất ruộng mạ vẫn do cụ Vi Thị V sử dụng từ đó đến năm 1986 thì vợ chồng bà E (chồng là ông Chu F- ông F chết năm 2004) làm nhà ở gần khu đất tranh chấp và về ở cùng cụ Vi Thị V nên cụ và vợ chồng bà E sử dụng đất cụ V chia cho vợ chồng bà. Khoảng năm 1993 - 1994, cụ V chuyển đến sống với con trai cả là ông Chu G nên đất do gia đình bà E sử dụng. Bà A xác định vợ chồng bà có chuyển nhượng 1 phần đất cho vợ chồng bà E, còn lại 187,2m². Năm 2009, bà (A) yêu cầu được sử dụng phần đất này nhưng bà E không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh chấp. Khi thôn K tổ chức hòa giải, bà E xuất trình

giấy nhượng ruộng đề ngày 10/11/1996 cho rằng ông Chu T đã chuyển nhượng cho ông Chu F phần đất này. Bà A cho rằng giấy này là giả mạo vì bà không được biết việc chuyển nhượng. Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn căn cứ vào giấy nhượng ruộng đề G nhận quyền sử dụng đất cho bà E, đều là không đúng.

Chủ tịch UBND huyện Z trình bày:

Quyết định số 2596/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục, nội dung quyết định phù hợp với quy định tại các Điều 202, điểm a khoản 3 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện đã thực hiện đúng các căn cứ giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp không có giấy tờ gì về đất được quy định tại Điều 88, Điều 89, khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn trình bày: Quyết định số 370/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quy định tại Mục 3, Chương III của Luật Khiếu nại năm 2011. Về nội dung, quá trình giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2596/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Z đã cho thấy việc giải quyết tranh chấp đúng quy định tại khoản 5 Điều 20, Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên Chủ tịch UBND tỉnh đã giữ nguyên Quyết định này. Người bị kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị E trình bày: Bà thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Vi Thị V. Từ năm 1986, gia đình bà xây dựng nhà ở gần phần đất đang tranh chấp và đã sử dụng đất ổn định từ đó đến nay. Năm 1996, ông T đã nhượng lại cho ông F diện tích đất nay tranh chấp, có lập giấy nhượng ruộng ngày 10/11/1996. Bà cho rằng việc giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện Z tại Quyết định số 2596/QĐ-UBND và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 370/QĐ-UBND là đúng, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Người làm chứng là ông Chu G trình bày: Ông là con trai cả trong gia đình. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đang tranh chấp do bà A và bà E trình bày là đúng. Ông có chứng kiến và ký tên vào giấy nhượng ruộng ngày 10/11/1996 giữa ông T và ông F, nhưng ông không biết hai bên thanh toán tiền cho nhau như thế nào. Ông G cho rằng bà E được sử dụng đất là đúng vì việc chuyển nhượng đất giữa ông T và ông F là có thật, và gia đình bà E đã sử dụng đất ổn định từ lâu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: *Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Căn cứ vào khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20, Điều 89, khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ vào*

khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Lạng Sơn, và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Án phí: Bà Hoàng Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04170 ngày 14/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Bà Hoàng Thị A đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án có thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2017, bà A có đơn kháng cáo cho rằng chồng bà là ông Chu Tkhông chuyển nhượng đất cho ông Chu F theo giấy chuyển nhượng đất ngày 10/11/1996, giấy cũng không có xác nhận của đủ 4 anh em, không có chứng thực, không có ý kiến đồng ý của bà là vợ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Hoàng Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh đã xem xét giải quyết khiếu nại của bà A đúng quy định. Về nội dung, thấy rằng Chủ tịch UBND huyện Z đã giải quyết tranh chấp đất đai đúng quy định, có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Z trình bày: Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, phía bà E có xuất trình giấy tờ về việc ông T “bán” đất cho ông F, nhưng chỉ là một trong những căn cứ để UBND huyện Z xem xét khi giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Chủ tịch UBND huyện Z đã giải quyết tranh chấp đất đai và xác định là của bà E là đúng quy định của Luật đất đai. Đề nghị bác kháng cáo của bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2596 của Chủ tịch UBND huyện Lộc A, Quyết định số 370 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai, Luật khiếu nại. Các Quyết định hành chính đúng thể thức trình bày.

Về căn cứ ban hành Quyết định số 2596/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện: Nguồn gốc đất do cha, mẹ ông T (chồng bà A), ông F (chồng bà E) khai phá, nhưng chưa có giấy tờ gì về đất. Ông T, bà A được cha mẹ cho đất nhưng thực tế không quản lý, sử dụng ngày nào; thực tế đã chuyển nhượng cho em trai là ông F (theo ông Chu G là anh trai cả thì 2 lần đã chuyển nhượng hết phần cha, mẹ cho). Do đó, bà B cho rằng đất tranh chấp là của bà, là không phù hợp. Chủ tịch UBND huyện Z đã căn cứ các quy định của Luật Đất đai, Điều 89, Điều 91 Nghị định 43/2014 hướng dẫn Luật đất đai, G nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho bà E là đúng. Do đó, bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà Hoàng Thị A về việc hủy Quyết định số 2596 của Chủ tịch UBND huyện và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, là đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Hoàng Thị A, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp đất đai giữa bà Hoàng Thị A và Hoàng Thị E nhưng đương sự không có GCNQSD đất hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013. Bà A đã có đơn yêu cầu UBND huyện Z giải quyết. UBND huyện Z đã giải quyết tranh chấp đất và ban hành Quyết định số 2591/QĐ-UBND; Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết khiếu nại và ban hành tại Quyết định số 370/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 2591/QĐ-UBND. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý đơn kiện ngày 24/5/2016 của bà A yêu cầu hủy các Quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 202, khoản 3 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị kiện.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2017, bà Hoàng Thị A kháng cáo và nộp tạm ứng án phí theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật tố tụng hành chính, được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị A (kháng cáo về tính hợp pháp có căn cứ về nội dung giải quyết tranh chấp đất đai): Bà không thừa nhận việc chồng của bà là ông Chu T đã chuyển nhượng đất tranh chấp cho em trai là ông Chu F nên bà cho rằng đất vẫn là của vợ chồng bà (được mẹ chồng cho từ năm 1976). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc, các đương sự đều thừa nhận do cụ V khai phá, sau đó chia cho các con trai từ năm 1976 (không có giấy tờ); nhưng cụ V chưa có tên trong giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà A cũng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất được cụ V chia; không sử dụng đất do đã thoát ly đi G tác. Thực tế, cụ V; sau đó là vợ chồng ông F, bà E sử dụng đất này (cùng với phần đất cụ V cho đến nay). Sau đó, vợ chồng bà A đã chuyển nhượng 2,5 sào cho vợ chồng ông F, bà E; còn lại 0,5 sào (hiện tranh chấp), bà E cho rằng năm 1986 ông T đã chuyển nhượng cho ông F, tuy nhiên bà A không thừa nhận việc này.

Năm 2011, chính quyền tiến hành đo đạc hiện trạng lập bản đồ địa chính thì đất này thuộc thửa đất số 77 tờ bản đồ số 83, tổng diện tích 1.279m², do vợ chồng bà E sử dụng. Trong quá trình lập hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai, UBND xã L và UBND huyện Z đã lấy lời khai cụ V, ông G; những người này đều thừa nhận có việc ông T “bán đất” cho ông G.

Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn cũng đã lấy lời khai ông Chu G, ông vẫn khẳng định có ký làm chứng vào giấy nhượng ruộng năm 1996 khi ông T bán 0,5 sào đất (nay tranh chấp) cho ông F, lúc ký có mặt đủ 4 anh em và mẹ là cụ V; ông G xác định 0,5 sào đất này là của bà E.

Do đó, ông T, bà A đã được cụ V tặng cho quyền sử dụng đất, nhưng ông và bà A không có nhu cầu sử dụng và đã “bán” lại cho ông F; vợ chồng ông F, bà E đã sử dụng đất liên tục, ổn định đến nay, lại là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; tổng diện tích đất nông nghiệp nằm trong hạn mức theo quy định. Bà A cho rằng không có việc ông T “bán” đất là không phù hợp. Đất cụ V có G khai phá, cụ “cho” ông T nhưng ông không sử dụng, ông “bán” cho ông F, nên quyền lợi của ông T đối với phần đất cụ V cho, đã được bảo đảm. Mặt khác, ông T chết năm 2008, trước khi chết ông không có ý kiến gì về phần đất này; không kê khai đăng ký,... đến năm 2011 bà A mới tranh chấp với bà E, nên ngay cả trong trường hợp ông T chuyển nhượng đất không có ý kiến đồng ý của bà thì nay bà E cũng là người thừa kế quyền thì cũng phải có nghĩa vụ về tài sản của ông T. Do đó, bà A đòi trả đất với lý do này, là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, UBND xã L, Chủ tịch UBND huyện Z đã xác minh, thu thập các nội dung theo các căn cứ giải quyết tranh chấp đất đai; UBND xã đã tiến hành hòa giải, xác minh nguồn gốc, nhu cầu, hiện trạng sử dụng đất,... đã xem xét đánh giá đầy đủ các căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và ban hành Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Hoàng

Thị A và bà Hoàng Thị E, G nhận 187,2m² đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà E, là đã đảm bảo đúng quy định, có căn cứ. Sau khi nhận được khiếu nại của bà A, Chủ tịch UBND tỉnh đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 370/QĐ-UBND ngày 07/3/2017, G nhận nội dung giải quyết tại Quyết định 2596/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Z là có căn cứ. Vì vậy, Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A về việc hủy Quyết định số 2596/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định giải quyết khiếu nại số 370/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, là đúng.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm về việc không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà A.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên **bà Hoàng Thị A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của bà Hoàng Thị A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số AA/2012/04187 ngày 10/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn được đối trừ số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/5/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THA DS tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương